TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Minh.

2. Ông Lê Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi–Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2020/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS, ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu Ngọc B, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp x, xã N, huyện T, tỉnh L.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn An T, sinh năm 19xx. Có mặt.

2.2 Bà Võ Thị Ánh T1, sinh năm 19xx. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã Q, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Châu Ngọc B như sau:

Ngày 29/4/2020 ông có cho ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 vay số tiền 50.000.000đ, thời gian trả là 30 ngày, lãi suất 3%/tháng, vay để tiền đáo hạn ngân hàng. Từ ngày vay cho đến nay, ông T và bà T1 không có trả lãi cho ông.

Ngày 29/7/2020 bà T1 có trả được số tiền vốn gốc là 7.000.000đ.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 trả số tiền vốn vay còn nợ là 43.000.000đ, không yêu cầu tính lãi

2. Bị đơn ông Nguyễn An T trình bày: Ông là chồng của bà Võ Thị Ánh T1. Ngày 29/4/2020 ông và bà T1 có vay của ông T số tiền 50.000.000đ, thời gian trả là 30 ngày, lãi suất 15%/tháng, vay tiền để rút sổ bảo hiểm. Sau khi vay tiền ông có đưa tiền bà T1 để trả đủ cho ông B.

3. Bị đơn bà Võ Thị Ánh T1 trình bày: Ngày 29/4/2020, bà và ông T có vay của ông B số tiền 50.000.000đ, thời gian trả là 30 ngày, lãi suất 15%/tháng, vay để rút sổ bảo hiểm. Sau khi vay tiền, bà có trả cho ông Bạc 3 tháng lãi với số tiền 22.000.000đ (tháng thứ 3 bà nợ lại số tiền 500.000đ). Ông T có đưa tiền cho bà trả cho ông B nhưng do sử dụng vào việc khác nên không có trả cho ông B. Bà đồng ý trả cho ông B số tiền 43.000.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết số nợ.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Tuy nhiên, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu như sau: Tại đơn khởi kiện ông B yêu cầu ông T, bà T1 trả lãi 3%/tháng. Nay ông rút lại yêu cầu, ông không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Châu Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn An T, bà Võ Thị Ánh T1 phải trả số tiền vay còn nợ và ông T, bà T1 hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay còn nợ là 43.000.000đ theo giấy mượn tiền ghi ngày 29/4/2020. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận ngày 29/4/2020 có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ. Ông T cho rằng có đưa

tiền bà T1 để trả nợ cho ông B nhưng bà T1 thừa nhận có nhận tiền của ông T nhưng sử dụng vào việc khác nên không có trả cho ông B và hiện nay còn nợ ông B số tiền 43.000.000đ. Ông B xác định bà T1 có trả số tiền 7.000.000đ nên ông T, bà T1 còn nợ số tiền 43.000.000đ. Tại phiên tòa, ông T và bà T1 đồng ý tiếp tục trả cho ông B số tiền còn nợ 43.000.000đ theo giấy nợ ngày 29/4/2020 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 liên đới trả cho ông Châu Ngọc B số tiền vay còn nợ là 43.000.000đ.

[3] Tại phiên tòa, bà Tuyết trình bày có trả cho ông B số tiền lãi là 22.000.000đ nhưng ông B xác định không có nhận tiền lãi của bà T1. Bà T1 không chứng minh được số tiền lãi đã trả cho ông B và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Bị đơn yêu cầu được thanh toán số tiền 43.000.000đ bằng cách trả 1.000.000đ/tháng cho đến khi hết số nợ, song nguyên đơn không đồng ý nên Tòa án cũng không thể chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Khi khởi kiện, bà B yêu cầu ông T, bà T1 trả 7.500.000đ tiền lãi nhưng nay ông B rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc B tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1.

Buộc ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 liên đới trả cho ông Châu Ngọc B số tiền vốn vay còn nợ 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của ông Châu Ngọc B đối với ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 trả số tiền lãi 7.500.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn An T và bà Võ Thị Ánh T1 liên đới phải nộp số tiền 2.150.000đ (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Trụ;
-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa